

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN
PHÒNG KỸ THUẬT CHẤT LƯỢNG
 05 Hải Dương, TP Tuy Hoà, Phú Yên.
 Tel 0257-3823000 Fax 0257-3828388



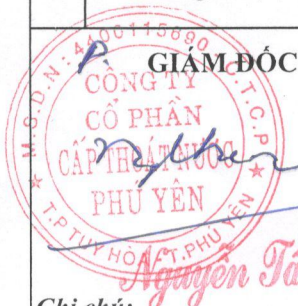
Số: 048-2019/KQ

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ngày: 21/10/2019
 Trang: 1/1

- Nơi gửi mẫu/ lấy mẫu : Công ty TNHH Footech
- Loại mẫu : Nước sau khi xử lý
- Mô tả mẫu : Mẫu được đựng trong chai nhựa 1l
- Ký hiệu mẫu : 174M₁01/19
- Ngày nhận mẫu/lấy mẫu : 14/10/2019
- Thời gian thử nghiệm : 7 ngày
- Kết quả thử nghiệm :

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN01:2009/BYT	Kết quả
1	pH (*)		TCVN6492:2011	6,5-8,5	6,7
2	Độ đục (*)	NTU	TCVN6184:2008	2	0,49
3	Hàm lượng Sắt tổng (*)	mg/l	TCVN6177:1996	0,3	0,02
4	Hàm lượng Clorua (*)	mg/l	TCVN6194:1996	250	11,45
5	Độ cứng tổng (*)	mg/l	TCVN6224:1996	300	37,19
6	Hàm lượng Nitrit (*)	mg/l	TCVN6178:1996	3	KPH (LOD=0,003)
7	Màu sắc (*)	mg/l Pt	TCVN6185:2008	15	KPH (LOD=1,44)
8	Tổng chất rắn hòa tan (TDS) (*)	mg/l	SMEWW-2540C	1000	99
9	Hàm lượng Nitrat (*)	mg/l	TCVN6180:1996	50	0,7
10	Hàm lượng Sunfat (*)	mg/l	EPA 375.4	250	8,4
11	Hàm lượng Mangan (*)	mg/l	TCVN6002:1995	0,3	KPH (LOD=0,01)
12	Chỉ số Permanganat (*)	mg/l	TCVN6186:1996	2	0,39
13	Hàm lượng Amoni (*)	mg/l	TCVN6179-1:1996	3	KPH (LOD=0,005)
14	Clo Tổng số (*)	mg/l	TCVN 6225-3:2011	0,5	KPH (LOD=0,38)



GIAM ĐỐC

PHÒNG KỸ THUẬT CHẤT LƯỢNG

BỘ PHẬN KIỂM NGHIỆM

Nguyễn Văn Bình
Nguyễn Văn Bình

Võ Bá Duy Huân
Võ Bá Duy Huân

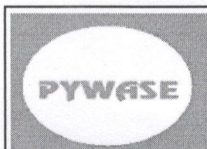
Ghi chú:

- (*) ; Chỉ tiêu được VILAS công nhận
- LOD: Giới hạn phát hiện, KPH : Không phát hiện
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử

BM.KT.02.02

Ban hành lần 03

Ngày ban hành: 26/09/2019



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN
PHÒNG KỸ THUẬT CHẤT LƯỢNG
 05 Hải Dương, TP Tuy Hoà, Phú Yên.
 Tel 0257-3823000 Fax 0257-3828388



VILAS 746

Số: 049-2019/KQ

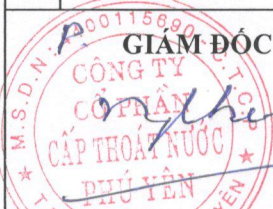
PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ngày: 21/10/2019

Trang: 1/1

- Nơi gửi mẫu/ lấy mẫu : Hộ dân thôn 1 Thị Trấn Hòa Vinh
- Loại mẫu : Nước sau khi xử lý
- Mô tả mẫu : Mẫu được đựng trong chai nhựa 1l
- Ký hiệu mẫu : 175M₁01/19
- Ngày nhận mẫu/lấy mẫu : 14/10/2019
- Thời gian thử nghiệm : 7 ngày
- Kết quả thử nghiệm :

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN01:2009/BYT	Kết quả
1	pH (*)		TCVN6492:2011	6,5-8,5	6,73
2	Độ đục (*)	NTU	TCVN6184:2008	2	0,48
3	Hàm lượng Sắt tổng (*)	mg/l	TCVN6177:1996	0,3	KPH (LOD=0,02)
4	Hàm lượng Clorua (*)	mg/l	TCVN6194:1996	250	12,80
5	Độ cứng tổng (*)	mg/l	TCVN6224:1996	300	35,15
6	Hàm lượng Nitrit (*)	mg/l	TCVN6178:1996	3	KPH (LOD=0,003)
7	Màu sắc (*)	mg/l Pt	TCVN6185:2008	15	KPH (LOD=1,44)
8	Tổng chất rắn hòa tan (TDS) (*)	mg/l	SMEWW-2540C	1000	123
9	Hàm lượng Nitrat (*)	mg/l	TCVN6180:1996	50	0,7
10	Hàm lượng Sunfat (*)	mg/l	EPA 375.4	250	8,8
11	Hàm lượng Mangan (*)	mg/l	TCVN6002:1995	0,3	KPH (LOD=0,01)
12	Chỉ số Permanganat (*)	mg/l	TCVN6186:1996	2	0,59
13	Hàm lượng Amoni (*)	mg/l	TCVN6179-1:1996	3	KPH (LOD=0,005)
14	Clo Tổng số (*)	mg/l	TCVN 6225-3:2011	0,5	KPH (LOD=0,38)



GIÁM ĐỐC

PHÒNG KỸ THUẬT CHẤT LƯỢNG

BỘ PHẬN KIỂM NGHIỆM

Ghi chú:

- (*) ; Chỉ tiêu được VILAS công nhận
- LOD: Giới hạn phát hiện, KPH : Không phát hiện
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử

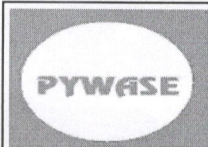
Nguyễn Văn Bình

Võ Bá Duy Huân

BM.KT.02.02

Ban hành lần 03

Ngày ban hành: 26/09/2019



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN
PHÒNG KỸ THUẬT CHẤT LƯỢNG
05 Hải Dương, TP Tuy Hoà, Phú Yên.
Tel 0257-3823000 Fax 0257-3828388



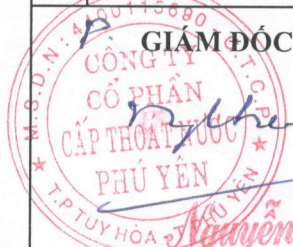
Số: 050-2019/KQ

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ngày: 21/10/2019
Trang: 1/1

1. Nơi gửi mẫu/ lấy mẫu : Bể chứa NMN Vũng Rô
2. Loại mẫu : Nước sau khi xử lý
3. Mô tả mẫu : Mẫu được đựng trong chai nhựa 1l, mẫu vi sinh được đựng trong chai thủy tinh
4. Ký hiệu mẫu : 176B09/19
5. Ngày nhận mẫu/lấy mẫu : 14/10/2019
6. Thời gian thử nghiệm : 7 ngày
7. Kết quả thử nghiệm :

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN01:2009/BYT	Kết quả
1	pH (*)		TCVN6492:2011	6,5-8,5	6,86
2	Độ đục (*)	NTU	TCVN6184:2008	2	1,04
3	Hàm lượng Sắt tổng (*)	mg/l	TCVN6177:1996	0,3	0,12
4	Hàm lượng Clorua (*)	mg/l	TCVN6194:1996	250	14,48
5	Độ cứng tổng (*)	mg/l	TCVN6224:1996	300	13,25
6	Hàm lượng Nitrit (*)	mg/l	TCVN6178:1996	3	0,004
7	Màu sắc (*)	mg/l Pt	TCVN6185:2008	15	KPH (LOD=1,44)
8	Tổng chất rắn hòa tan (TDS) (*)	mg/l	SMEWW-2540C	1000	117
9	Hàm lượng Nitrat (*)	mg/l	TCVN6180:1996	50	0,2
10	Hàm lượng Sunfat (*)	mg/l	EPA 375.4	250	7,6
11	Hàm lượng Mangan (*)	mg/l	TCVN6002:1995	0,3	KPH (LOD=0,01)
12	Chỉ số Permanganat (*)	mg/l	TCVN6186:1996	2	1,09
13	Hàm lượng Amoni (*)	mg/l	TCVN6179-1:1996	3	KPH (LOD=0,005)
14	Clo Tổng số (*)	mg/l	TCVN 6225-3:2011	0,5	0,46
15	Coliform	MPN/ 100ml	TCVN6187-2:1996	0	KPH
16	E. Coli	MPN/ 100ml	TCVN6187-2:1996	0	KPH



GIÁM ĐỐC

PHÒNG KỸ THUẬT CHẤT LƯỢNG

BỘ PHẬN KIỂM NGHIỆM

Nguyễn Tấn Thuận

Nguyễn Văn Bình
Nguyễn Văn Bình

Võ Bá Duy Huân
Võ Bá Duy Huân

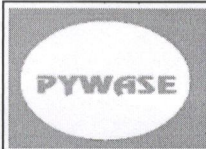
Ghi chú:

- (*) ; Chỉ tiêu được VILAS công nhận
- LOD: Giới hạn phát hiện, KPH : Không phát hiện
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử

BM.KT.02.02

Ban hành lần 03

Ngày ban hành: 26/09/2019



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN
PHÒNG KỸ THUẬT CHẤT LƯỢNG
 05 Hải Dương, TP Tuy Hoà, Phú Yên.
 Tel 0257-3823000 Fax 0257-3828388



VILAS 746

Số: 051-2019/KQ

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ngày: 21/10/2019

Trang: 1/1

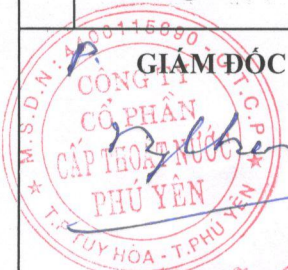
- Nơi gửi mẫu/ lấy mẫu : Cảng Vũng Rô
- Loại mẫu : Nước sau khi xử lý
- Mô tả mẫu : Mẫu được đựng trong chai nhựa 1l
- Ký hiệu mẫu : 176M₁09/19
- Ngày nhận mẫu/lấy mẫu : 14/10/2019
- Thời gian thử nghiệm : 7 ngày
- Kết quả thử nghiệm :

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN01:2009/BYT	Kết quả
1	pH (*)		TCVN6492:2011	6,5-8,5	7,18
2	Độ đục (*)	NTU	TCVN6184:2008	2	1,05
3	Hàm lượng Sắt tổng (*)	mg/l	TCVN6177:1996	0,3	0,08
4	Hàm lượng Clorua (*)	mg/l	TCVN6194:1996	250	13,47
5	Độ cứng tổng (*)	mg/l	TCVN6224:1996	300	13,76
6	Hàm lượng Nitrit (*)	mg/l	TCVN6178:1996	3	KPH (LOD=0,003)
7	Màu sắc (*)	mg/l Pt	TCVN6185:2008	15	KPH (LOD=1,44)
8	Tổng chất rắn hòa tan (TDS) (*)	mg/l	SMEWW-2540C	1000	118
9	Hàm lượng Nitrat (*)	mg/l	TCVN6180:1996	50	0,2
10	Hàm lượng Sunfat (*)	mg/l	EPA 375.4	250	7,8
11	Hàm lượng Mangan (*)	mg/l	TCVN6002:1995	0,3	KPH (LOD=0,01)
12	Chỉ số Permanganat (*)	mg/l	TCVN6186:1996	2	1,16
13	Hàm lượng Amoni (*)	mg/l	TCVN6179-1:1996	3	KPH (LOD=0,005)
14	Clo Tổng số (*)	mg/l	TCVN 6225-3:2011	0,5	KPH (LOD=0,38)

GIÁM ĐỐC

PHÒNG KỸ THUẬT CHẤT LƯỢNG

BỘ PHẬN KIỂM NGHIỆM



Nguyễn Tấn Thuận

Nguyễn Văn Bình

Võ Bá Duy Huân

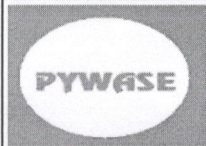
Ghi chú:

- (*) ; Chỉ tiêu được VILAS công nhận
- LOD: Giới hạn phát hiện, KPH : Không phát hiện
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử

BM.KT.02.02

Ban hành lần 03

Ngày ban hành: 26/09/2019



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN
PHÒNG KỸ THUẬT CHẤT LƯỢNG
 05 Hải Dương, TP Tuy Hoà, Phú Yên.
 Tel 0257-3823000 Fax 0257-3828388



Số: 052-2019/KQ

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ngày: 21/10/2019
 Trang: 1/1

1. Nơi gửi mẫu/ lấy mẫu : Công Ty Bia Sài Gòn
2. Loại mẫu : Nước sau khi xử lý
3. Mô tả mẫu : Mẫu được đựng trong chai nhựa 1l
4. Ký hiệu mẫu : 177M₁01/19
5. Ngày nhận mẫu/lấy mẫu : 14/10/2019
6. Thời gian thử nghiệm : 7 ngày
7. Kết quả thử nghiệm :

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN01:2009/BYT	Kết quả
1	pH (*)		TCVN6492:2011	6,5-8,5	6,84
2	Độ đục (*)	NTU	TCVN6184:2008	2	0,25
3	Hàm lượng Sắt tổng (*)	mg/l	TCVN6177:1996	0,3	KPH (LOD=0,02)
4	Hàm lượng Clorua (*)	mg/l	TCVN6194:1996	250	10,10
5	Độ cứng tổng (*)	mg/l	TCVN6224:1996	300	33,11
6	Hàm lượng Nitrit (*)	mg/l	TCVN6178:1996	3	KPH (LOD=0,003)
7	Màu sắc (*)	mg/l Pt	TCVN6185:2008	15	KPH (LOD=1,44)
8	Tổng chất rắn hòa tan (TDS) (*)	mg/l	SMEWW-2540C	1000	90
9	Hàm lượng Nitrat (*)	mg/l	TCVN6180:1996	50	0,6
10	Hàm lượng Sunfat (*)	mg/l	EPA 375.4	250	7,8
11	Hàm lượng Mangan (*)	mg/l	TCVN6002:1995	0,3	KPH (LOD=0,01)
12	Chỉ số Permanganat (*)	mg/l	TCVN6186:1996	2	0,58
13	Hàm lượng Amoni (*)	mg/l	TCVN6179-1:1996	3	KPH (LOD=0,005)
14	Clo Tổng số (*)	mg/l	TCVN 6225-3:2011	0,5	KPH (LOD=0,38)

GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN
Nguyễn Tấn Thuận

PHÒNG KỸ THUẬT CHẤT LƯỢNG

Nguyễn Văn Bình
Nguyễn Văn Bình

BỘ PHẬN KIỂM NGHIỆM

Võ Bá Duy Huân
Võ Bá Duy Huân

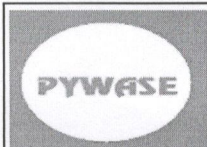
Ghi chú:

- (*) ; Chỉ tiêu được VILAS công nhận
- LOD: Giới hạn phát hiện, KPH : Không phát hiện
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử

BM.KT.02.02

Ban hành lần 03

Ngày ban hành: 26/09/2019



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN
PHÒNG KỸ THUẬT CHẤT LƯỢNG
05 Hải Dương, TP Tuy Hoà, Phú Yên.
Tel 0257-3823000 Fax 0257-3828388



Số: 053-2019/KQ

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ngày: 21/10/2019
Trang: 1/1

1. Nơi gửi mẫu/ lấy mẫu : 77 Nguyễn Tất Thành
2. Loại mẫu : Nước sau khi xử lý
3. Mô tả mẫu : Mẫu được đựng trong chai nhựa 1l
4. Ký hiệu mẫu : 177M₂01/19
5. Ngày nhận mẫu/lấy mẫu : 14/10/2019
6. Thời gian thử nghiệm : 7 ngày
7. Kết quả thử nghiệm :

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN01:2009/BYT	Kết quả
1	pH (*)		TCVN6492:2011	6,5-8,5	6,82
2	Độ đục (*)	NTU	TCVN6184:2008	2	0,2
3	Hàm lượng Sắt tổng (*)	mg/l	TCVN6177:1996	0,3	KPH (LOD=0,02)
4	Hàm lượng Clorua (*)	mg/l	TCVN6194:1996	250	10,78
5	Độ cứng tổng (*)	mg/l	TCVN6224:1996	300	33,11
6	Hàm lượng Nitrit (*)	mg/l	TCVN6178:1996	3	KPH (LOD=0,003)
7	Màu sắc (*)	mg/l Pt	TCVN6185:2008	15	KPH (LOD=1,44)
8	Tổng chất rắn hòa tan (TDS) (*)	mg/l	SMEWW-2540C	1000	96
9	Hàm lượng Nitrat (*)	mg/l	TCVN6180:1996	50	0,6
10	Hàm lượng Sunfat (*)	mg/l	EPA 375.4	250	8,6
11	Hàm lượng Mangan (*)	mg/l	TCVN6002:1995	0,3	KPH (LOD=0,01)
12	Chỉ số Permanganat (*)	mg/l	TCVN6186:1996	2	0,51
13	Hàm lượng Amoni (*)	mg/l	TCVN6179-1:1996	3	KPH (LOD=0,005)
14	Clo Tổng số (*)	mg/l	TCVN 6225-3:2011	0,5	KPH (LOD=0,38)



GIÁM ĐỐC

PHÒNG KỸ THUẬT CHẤT LƯỢNG

BỘ PHẬN KIỂM NGHIỆM

Nguyễn Văn Bình

Võ Bá Duy Huân

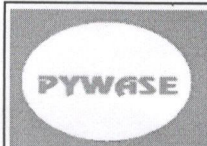
Ghi chú:

- (*) ; Chỉ tiêu được VILAS công nhận
- LOD: Giới hạn phát hiện, KPH : Không phát hiện
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử

BM.KT.02.02

Ban hành lần 03

Ngày ban hành: 26/09/2019



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN
PHÒNG KỸ THUẬT CHẤT LƯỢNG

05 Hải Dương, TP Tuy Hoà, Phú Yên.
Tel 0257-3823000 Fax 0257-3828388



VILAS 746

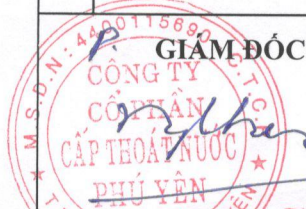
Số: 054-2019/KQ

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ngày: 21/10/2019
Trang: 1/1

1. Nơi gửi mẫu/ lấy mẫu : 118A Lê Trung Kiên
2. Loại mẫu : Nước sau khi xử lý
3. Mô tả mẫu : Mẫu được đựng trong chai nhựa 1l
4. Ký hiệu mẫu : 177M₃01/19
5. Ngày nhận mẫu/lấy mẫu : 14/10/2019
6. Thời gian thử nghiệm : 7 ngày
7. Kết quả thử nghiệm :

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN01:2009/BYT	Kết quả
1	pH (*)		TCVN6492:2011	6,5-8,5	6,77
2	Độ đục (*)	NTU	TCVN6184:2008	2	0,26
3	Hàm lượng Sắt tổng (*)	mg/l	TCVN6177:1996	0,3	KPH (LOD=0,02)
4	Hàm lượng Clorua (*)	mg/l	TCVN6194:1996	250	10,44
5	Độ cứng tổng (*)	mg/l	TCVN6224:1996	300	32,61
6	Hàm lượng Nitrit (*)	mg/l	TCVN6178:1996	3	KPH (LOD=0,003)
7	Màu sắc (*)	mg/l Pt	TCVN6185:2008	15	KPH (LOD=1,44)
8	Tổng chất rắn hòa tan (TDS) (*)	mg/l	SMEWW-2540C	1000	94
9	Hàm lượng Nitrat (*)	mg/l	TCVN6180:1996	50	0,55
10	Hàm lượng Sunfat (*)	mg/l	EPA 375.4	250	8
11	Hàm lượng Mangan (*)	mg/l	TCVN6002:1995	0,3	KPH (LOD=0,01)
12	Chỉ số Permanganat (*)	mg/l	TCVN6186:1996	2	0,51
13	Hàm lượng Amoni (*)	mg/l	TCVN6179-1:1996	3	KPH (LOD=0,005)
14	Clo Tổng số (*)	mg/l	TCVN 6225-3:2011	0,5	KPH (LOD=0,38)



GIÁM ĐỐC

PHÒNG KỸ THUẬT CHẤT LƯỢNG

BỘ PHẬN KIỂM NGHIỆM

Nguyễn Văn Bình

Võ Bá Duy Huân

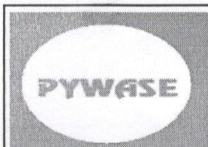
Ghi chú:

- (*) ; Chỉ tiêu được VILAS công nhận
- LOD: Giới hạn phát hiện, KPH : Không phát hiện
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử

BM.KT.02.02

Ban hành lần 03

Ngày ban hành: 26/09/2019



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN
PHÒNG KỸ THUẬT CHẤT LƯỢNG
 05 Hải Dương, TP Tuy Hoà, Phú Yên.
 Tel 0257-3823000 Fax 0257-3828388



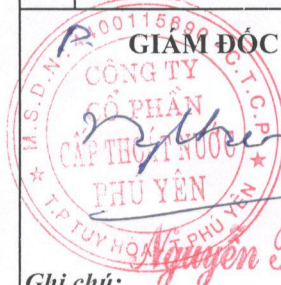
Số: 055-2019/KQ

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ngày: 21/10/2019
 Trang: 1/1

- Nơi gửi mẫu/ lấy mẫu : Bể chứa NMN Tuy Hòa
- Loại mẫu : Nước sau khi xử lý
- Mô tả mẫu : Mẫu được đựng trong chai nhựa 1l, mẫu vi sinh được đựng trong chai thủy tinh
- Ký hiệu mẫu : 178B01/19
- Ngày nhận mẫu/lấy mẫu : 14/10/2019
- Thời gian thử nghiệm : 7 ngày
- Kết quả thử nghiệm :

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN01:2009/BYT	Kết quả
1	pH (*)		TCVN6492:2011	6,5-8,5	6,98
2	Độ đục (*)	NTU	TCVN6184:2008	2	0,21
3	Hàm lượng Sắt tổng (*)	mg/l	TCVN6177:1996	0,3	0,06
4	Hàm lượng Clorua (*)	mg/l	TCVN6194:1996	250	9,77
5	Độ cứng tổng (*)	mg/l	TCVN6224:1996	300	33,11
6	Hàm lượng Nitrit (*)	mg/l	TCVN6178:1996	3	KPH (LOD=0,003)
7	Màu sắc (*)	mg/l Pt	TCVN6185:2008	15	4,8
8	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)(*)	mg/l	SMEWW-2540C	1000	88
9	Hàm lượng Nitrat (*)	mg/l	TCVN6180:1996	50	0,65
10	Hàm lượng Sunfat (*)	mg/l	EPA 375.4	250	8,2
11	Hàm lượng Mangan (*)	mg/l	TCVN6002:1995	0,3	KPH (LOD=0,01)
12	Chỉ số Permanganat (*)	mg/l	TCVN6186:1996	2	0,64
13	Hàm lượng Amoni (*)	mg/l	TCVN6179-1:1996	3	KPH (LOD=0,005)
14	Clo Tổng số (*)	mg/l	TCVN 6225-3:2011	0,5	0,53
15	Coliform	MPN/ 100ml	TCVN6187-2:1996	0	KPH
16	E. Coli	MPN/ 100ml	TCVN6187-2:1996	0	KPH



PHÒNG KỸ THUẬT CHẤT LƯỢNG

BỘ PHẬN KIỂM NGHIỆM

Nguyễn Văn Bình

Võ Bá Duy Huân

Ghi chú:

- (*) ; Chỉ tiêu được VILAS công nhận
- LOD: Giới hạn phát hiện, KPH : Không phát hiện
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử

BM.KT.02.02

Ban hành lần 03

Ngày ban hành: 26/09/2019